

Bản án số: 141/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-8-2020  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Đình Diệu,

Ông Phạm Văn Sóng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị M, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phùng Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2020 và trong bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn B kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, được Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên cấp Giấy đăng ký kết hôn số 31 ngày 07/5/2007. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng

quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do tình cảm không còn, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh B.

Về con chung: Chị Vũ Thị M và anh Phùng Văn B không có con chung nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị M và anh Phùng Văn B không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị M và anh Phùng Văn B; chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Phùng Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh B.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị M và anh Phùng Văn B là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị M xin ly hôn, Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần để trình bày ý kiến về việc chị M xin ly hôn nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do, qua đó thể hiện anh B không quan tâm đến việc hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn giữa chị M và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về việc xin ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị M và anh Phùng Văn B không có con chung; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị M và anh Phùng Văn B không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí của Quốc Hội, chị Vũ Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị M được ly hôn anh Phùng Văn B.

Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0000785 ngày 22 tháng 4 năm 2020. Chị Vũ Thị M đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND thị trấn Minh Đức, h. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Chiến**